

Tân Bình, ngày 03 tháng 07 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ II NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường Mầm non 10A công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách Quý 2 năm 2024 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý II năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý II năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	8.664,72	2.009,31	23,19%	111%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.758,20	1.156,32	30,77%	183%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.875,10	679,62	36,24%	125%
3.3	Nguồn cải cách tiền lương	3.031,42	173,37	5,72%	27%

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên



Mai Thị Mộng Thu

Tân Bình, ngày 03 tháng 07 năm 2024

THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH
NHÀ NƯỚC QUÝ II NĂM 2024

I. Kinh phí hoạt động thường xuyên giao tự chủ (nguồn 12):	679.619.620	đồng
Phụ cấp đặc biệt khác của ngành	195.150.050	đồng
Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	72.349.570	đồng
Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	412.120.000	đồng
II. Kinh phí hoạt động thường xuyên không giao tự chủ (nguồn 13):	1.156.320.438	đồng
Tiền lương	525.853.052	đồng
Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	41.526.480	đồng
Phụ cấp lương	12.976.505	đồng
Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	4.329.204	đồng
Phụ cấp ưu đãi nghề	165.615.849	đồng
Phụ cấp theo nghề, theo công việc	633.000	đồng
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	63.351.936	đồng
Các khoản đóng góp (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ)	141.512.674	đồng
Thanh toán dịch vụ công cộng	43.589.932	đồng
Văn phòng phẩm	11.464.264	đồng
Khoán công tác phí	3.000.000	đồng
Thuê phương tiện vận chuyển	2.700.000	đồng
Thuê lao động trong nước	74.500.000	đồng
Thuê đào tạo lại cán bộ	28.925.000	đồng
Đường điện, cấp thoát nước	1.728.942	đồng
Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	4.644.000	đồng
Chi khác	26.469.600	đồng
Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện	3.500.000	đồng
III. Nguồn cải cách tiền lương (nguồn 14):	173.366.035	đồng
Lương theo ngạch, bậc	- 77.734.053	đồng
Phụ cấp chức vụ	- 1.906.503	đồng
Phụ cấp ưu đãi nghề	- 24.281.649	đồng
Phụ cấp theo nghề, theo công việc	- 93.000	đồng
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	- 9.294.084	đồng
Các khoản đóng góp (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ)	- 20.899.641	đồng
Chi khác	307.574.965	đồng

IV. Kinh phí hoạt động không thường xuyên (nguồn 15):

Kế toán

Nguyễn Thị Thu Thảo

Hiệu trưởng


Mai Thị Mộng Thu